

UBND TỈNH KIÊN GIANG
BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

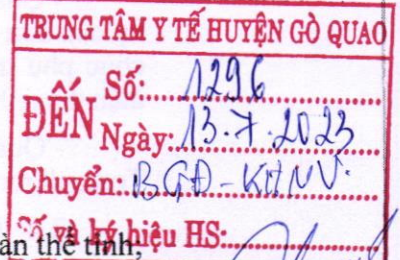
Số 452/BDT-TTr

Kiên Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2023

V/v thực hiện chế độ thông tin, báo cáo
công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát
CTMTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu
số theo Thông tư số 01/2022/TT-UBND
của Ủy ban Dân tộc.

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.



Thực hiện Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc quy định quy trình, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND về thực hiện Thông tư số 01/2022/TT-UBND.

Để phục vụ kịp thời sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát CTMTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh và kịp thời báo cáo về Ủy ban Dân tộc kết quả hoạt động của ngành, Ban Dân tộc tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt một số nội dung như sau:

1. Các loại báo cáo, thời gian chốt số liệu

- Các Sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố báo cáo số liệu theo các Phụ lục quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND, cụ thể là:

1.1. Theo dõi Chương trình

- Thu thập thông tin, cập nhật số liệu, báo cáo của đơn vị thực hiện; thu thập, tổng hợp thông tin, báo cáo ở cấp xã (đính kèm phụ lục số 01, 02, 03).

1.2. Kiểm tra Chương trình

- Lập kế hoạch kiểm tra Chương trình giai đoạn và hàng năm
- Kết quả kiểm tra Chương trình
- Việc phân khai và thực hiện vốn kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình.

1.3. Đánh giá Chương trình

- Thu thập, tổng hợp thông tin và báo cáo ở cấp xã; tổng hợp thông tin và báo cáo ở cấp huyện (đính kèm phụ lục số 01, 02, 04).

2. Phương thức và thời gian gửi báo cáo

2.1. Phương thức gửi báo cáo

Các đơn vị gửi báo cáo về Ban Dân tộc tỉnh theo các phương thức như sau:

- Qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Hộp thư điện tử công vụ của đơn vị: bdt@kiengiang.gov.vn, hoặc thư điện tử công vụ của cá nhân công chức phụ trách tổng hợp: dpich.bdt@kiengiang.gov.vn. (đồng chí Danh Pích, số điện thoại 0914.102115).

- Qua dịch vụ bưu chính trực tiếp tại địa chỉ số 533, đường Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Thời gian gửi báo cáo: **Trước ngày 14 tháng 7 năm 2023.**

3. Tổ chức thực hiện

Đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư số 01/2022/TT-UBND và các nội dung hướng dẫn tại Công văn này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc các đơn vị liên hệ Phòng Thanh tra Ban Dân tộc để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (để biết);
- Trưởng ban và các PTB;
- VP, PKHTH&CSDT, TTra;
- Lưu: VT, dsieng.



Danh Phúc



DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ GỬI VĂN BẢN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo;
2. Sở Văn hóa và Thể thao;
3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
4. Sở Y tế;
5. Sở Thông tin và Truyền thông;
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
7. Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh;
8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
9. UBND huyện Châu Thành;
10. UBND huyện Giồng Riềng;
11. UBND huyện Hòn Đất;
12. UBND huyện An Biên;
13. UBND huyện U Minh Thượng;
14. UBND huyện Giang Thành;
15. UBND huyện Vĩnh Thuận;
16. UBND huyện Kiên Lương;
17. UBND huyện Gò Quao;
18. UBND thành phố Rạch Giá;
19. UBND thành phố Hà Tiên.

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC CHỈ SỐ CHỦ YẾU

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;
Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Kỳ báo cáo: từ tháng năm đến tháng năm

TT	Chỉ số (tại địa bàn thực hiện Chương trình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Số liệu gốc (đến cuối 2020)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chi tiêu kế năm báo cáo	Chi tiêu kế giai đoạn 2021- 2025	Tần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo			Ghi chú
										Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	
1	Lý lệ giữa thu nhập bình quân đầu người ở vùng DTTS&MN so với thu nhập bình quân đầu người cả nước	%						Giữa kỳ, 5 năm	Dữ liệu DTTS, Khausi mức sống dân cư			Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc	
2	Số xã vùng III (đặc biệt khó khăn) thuộc vùng DTTS&MN	Xã						Giữa kỳ, 5 năm	Báo cáo rà soát xã ĐBKK	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	
3	Số thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS&MN	Thôn						Giữa kỳ, 5 năm	Báo cáo rà soát thôn ĐBKK	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	
4	Thu nhập bình quân đầu người của người DTTS	Triệu đồng/ người/ tháng						Giữa kỳ, 5 năm	Dữ liệu DTTS, Khausi mức sống dân cư			Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc	
5	Mức giám tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS	%						Hàng năm	Báo cáo rà soát nghèo hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
Trong đó:													
5.1.	Mức giám tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS	%						Hàng năm	Báo cáo rà soát nghèo hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
5.2.	Mức giám tỷ lệ hộ nghèo trong dân tộc còn gặp nhiều khó khăn	%						Hàng năm	Báo cáo rà soát nghèo hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	

TT	Chi số	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Số liệu gốc (cuối 2020)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chu kỳ kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chu kỳ kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Tần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo			Ghi chú
											Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	
	(tại địa bàn thực hiện Chương trình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)													
5.3	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong dân tộc có khó khăn đặc thù								Hàng năm	Báo cáo ra soát nghèo hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	
6.	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	%							Hàng năm	Số liệu thống kê hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Giao thông vận tải	
7.	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa	%							Hàng năm	Số liệu thống kê hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Giao thông vận tải	
8.	Tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố	%							Hàng năm	Số liệu thống kê hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
9.	Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố	%							Hàng năm	Số liệu thống kê hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế	
10.	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	%							Hàng năm	Số liệu thống kê hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Công thương	
11.	Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%							Hàng năm	Số liệu thống kê hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Y tế	
12.	Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình	%							Hàng năm	Số liệu thống kê hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Thông tin và Truyền thông	
13.	Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh	%							Hàng năm	Số liệu thống kê hàng năm	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Thông tin và Truyền thông	
14.	Tỷ lệ hộ di cư không theo quy hoạch được sắp xếp, bố trí ổn định	%							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.2 Phụ lục 02
15.	Tỷ lệ hộ DTTS đang cư trú tại các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được qui hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí	%							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.2 Phụ lục 02
16.	Tỷ lệ hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã DBKK, thôn DBKK không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề	%							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.1 Phụ lục 02

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Số liệu gốc (đến cuối 2020)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Tần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo		Ghi chú
	(tại địa bàn thực hiện Chương trình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)										Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương
17.	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề	%	DTTS/Kinh tế Nghề/cận nghèo Nam/nữ						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Tổng cục Thống kê, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
18.	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường	%	DTTS/Kinh tế Nam/nữ						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo
19.	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường	%	DTTS/Kinh tế Nam/nữ						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo
20.	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường	%	DTTS/Kinh tế Nam/nữ						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo
21.	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường	%	DTTS/Kinh tế Nam/nữ						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo
22.	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	%	DTTS/Kinh tế Nam/nữ, DTTS có KK đặc thù còn nhiều KK						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo
23.	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	%							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
24.	Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	%							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
25.	Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế	%							Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế
26.	Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế	%							Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế
27.	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ)	%							Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế
28.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	DTTS/Kinh tế Nam/nữ						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Số liệu gốc (đến cuối 2020)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chú thích năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021-2025	Tần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo			Ghi chú
											Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	
29.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	DTTS/Kinh, Nam/nữ						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế	
30.	Tỷ lệ giám sát giữ trung bình phụ nữ ở vùng DTTS&MN làm công việc tạo thu nhập, nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công	%							5 năm	Số liệu thống kê			Tổng cục Thống kê	
31.	Tỷ lệ nạn nhân của bạo lực gia đình ở vùng DTTS&MN được phát hiện, được tư vấn về tâm lý, pháp lý, được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe	%	Nam/nữ						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
32.	Tỷ lệ người dân ở vùng DTTS&MN tiếp cận thông tin về BDC thông qua các hoạt động truyền thông đưa vào cộng đồng	%	Nam/nữ						Giữa kỳ, 5 năm	Số liệu điều tra giữa kỳ cuối kỳ			TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	
33.	Tỷ lệ cán bộ các cấp ở vùng DTTS&MN được trang bị kiến thức về bình đẳng giới và kỹ năng lồng ghép giới	%	Tỉnh, huyện, xã						Giữa kỳ, 5 năm	Số liệu điều tra giữa kỳ cuối kỳ			TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	
34.	Tỷ lệ nữ dân nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền các cấp ở vùng DTTS&MN	%	Tỉnh, huyện, xã						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Nội vụ	
35.	Tỷ lệ nữ làm chủ/dồng làm chủ các doanh nghiệp, HTX, trang trại ở vùng DTTS&MN	%	DN, HTX/Trang trại						5 năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Tổng cục Thống kê	
36.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS ở các cấp từng địa phương	%	Tỉnh, huyện, xã Nam/nữ						Hàng năm	Số liệu thống kê	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Nội vụ, Tổng cục Thống kê	
37.	Số hộ được giải quyết đất ở	Hộ	DTTS/Kinh						Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.1 Phụ lục 02
38.	Số hộ được giải quyết nhà ở	Hộ	DTTS/Kinh						Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.1 Phụ lục 02
39.	Số hộ được hỗ trợ trực tiếp dài hạn sản xuất	Hộ	DTTS/Kinh						Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.1 Phụ lục 02

TT	Chi số (tại địa bàn thực hiện Chương trình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tỉnh	Phân tổ số liệu	Số liệu gốc (đến cuối 2020)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chi tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chi tiêu kế hoạch giai đoạn 2021- 2025	Lần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo			Ghi chú
											Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	
40.	Số hộ không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ giải quyết sinh kế, chuyển dổi nghề	Hộ	DTTS/Kinh						Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.1 Phụ lục 02
41.	Số hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt	Hộ							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.1 Phụ lục 02
<i>Trong đó:</i>														
41.1.	Số hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Hộ	DTTS/Kinh						Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.1 Phụ lục 02
41.2.	Số hộ được thu hưởng tư công trình nước sinh hoạt tập trung	Hộ	DTTS/Kinh						Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.1 Phụ lục 02
42.	Số công trình nước sinh hoạt tập trung được xây dựng	Công trình							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.1 Phụ lục 02
43.	Số hộ được sắp xếp, ổn định dân cư	Hộ							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.2 Phụ lục 02
<i>Trong đó:</i>														
43.1.	Số hộ dân di cư tự do được bố trí, sắp xếp ổn định	Hộ							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.2 Phụ lục 02
43.2.	Số hộ DTTS còn du canh, du cư được bố trí định canh, định cư	Hộ							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.2 Phụ lục 02
43.3.	Số hộ vùng biên giới được bố trí sắp xếp ổn định dân cư	Hộ							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.2 Phụ lục 02
43.4.	Số hộ ở vùng ĐBKK và khu vực cần thiết khác được bố trí, sắp xếp ổn định dân cư	Hộ							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.2 Phụ lục 02

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Tần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo			Ghi chú
										Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	
44.	Chiều dài tuyến đường giao thông nông thôn và miền núi	km							BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Biểu số 2.3.1 Phụ lục 02
45.	Tỷ lệ xã khu vực III (ĐBKK) có ít nhất một dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	%							BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.3.2.1 Phụ lục 02
46.	Số vốn xây dựng được NHCSXH giải ngân cho vay thực hiện dự án PT SX theo chuỗi giá trị và dự án đa dạng hóa sinh kế	Triệu đồng							BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Biểu số 2.3.2.1 Phụ lục 02
47.	Diện tích đất được cải tạo, hỗ trợ để phát triển vùng trồng được liệu quý	ha							BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế	Biểu số 2.3.2.2 Phụ lục 02
48.	Số mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp ở vùng DTTS & MN được hỗ trợ phát triển	Mô hình							BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.3.2.3 Phụ lục 02
49.	Số em học sinh DTTS khó khăn, năm được hưởng lợi trong chương trình "Cần bỏ, chiến sĩ Quân đội nâng bước em tới trường"	Học sinh							BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Quốc phòng	Biểu số 2.3.3 Phụ lục 02
50.	Số km đường giao thông nông thôn được nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa	km							BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.4.1.1 Phụ lục 02
51.	Tỷ lệ dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù (có sự đóng góp, tham gia thực hiện của cộng đồng người dân)	%							BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.4.1.1 Phụ lục 02
52.	Số trường Phổ thông Dân tộc bán trú và trường Phổ thông có học sinh bán trú được tăng cường CSVC, trang thiết bị	Trường							BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Biểu số 2.5.1 Phụ lục 02

TT	Chi số (tài địa bàn thực hiện Chương trình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tỉnh	Phân tổ số liệu	Số liệu gốc (đến cuối 2020)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lấy kể đến thời điểm báo cáo	Chu tiêu kế hoạch giải đoạn 2021- 2025	Tần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo Cấp huyện Cấp tỉnh Cấp Trung ương	Chỉ chú
53.	Số trường Phổ thông Dân tộc nội trú được tăng cường CSV.C. trang thiết bị	Trường							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện UBND cấp tỉnh Bộ Giáo dục và Đào tạo	Biểu số 2.5.1 Phụ lục 02
54.	Số trường Trung học Phổ thông dân tộc nội trú trung ương được tăng cường CSV.C. trang thiết bị	Trường							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện UBND cấp tỉnh Bộ Giáo dục và Đào tạo	Biểu số 2.5.1 Phụ lục 02
55.	Số cán bộ, công chức, viên chức các cấp được bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc	1 lượt người	Tỉnh, huyện xã Nam nữ						Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện UBND cấp tỉnh Ủy ban Dân tộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Biểu số 2.5.2 Phụ lục 02
56.	Số cơ sở dự bị đại học và đại học cho học sinh vùng DTTS&MN được hỗ trợ	Cơ sở							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện UBND cấp tỉnh Bộ Giáo dục và Đào tạo	Biểu số 2.5.2 Phụ lục 02
57.	Số người được hỗ trợ đào tạo nghề trong Chương trình	Lượt người	DTTS/Kinh Nam/nữ, Nghèo/cần nghèo						Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện UBND cấp tỉnh Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	Biểu số 2.5.3 Phụ lục 02
58.	Số hộ DTTS và hộ dân tộc Kinh nghèo, cần nghèo ở xã, thôn ĐBK.K được tạo thêm việc làm, hoặc làm nghề củ tăng thu nhập thông qua hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm	Hộ	DTTS/Kinh Nghèo/cần nghèo						Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện UBND cấp tỉnh Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	Biểu số 2.6 Phụ lục 02
59.	Số lễ hội truyền thống được khôi phục, bảo tồn phục vụ phát triển du lịch	Lễ hội							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện UBND cấp tỉnh Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Biểu số 2.6 Phụ lục 02
60.	Số lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể đã tổ chức	Lớp							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện UBND cấp tỉnh Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Biểu số 2.6 Phụ lục 02
61.	Số dự án sưu tầm, phục dựng, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một đã thực hiện	Dự án							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện UBND cấp tỉnh Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Biểu số 2.6 Phụ lục 02
62.	Số mô hình bảo vệ và phát huy văn hoá truyền thống của các DTTS được xây dựng	Mô hình							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện UBND cấp tỉnh Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Biểu số 2.6 Phụ lục 02

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Số liệu gốc (đến cuối 2020)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Tần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo			Ghi chú
											Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	
63.	Số câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng DTTS được xây dựng	CLB							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Biểu số 2.6 Phụ lục 02
64.	Số điểm đến du lịch tiêu biểu vùng DTTS&MN được hỗ trợ đầu tư xây dựng	Điểm đến							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Biểu số 2.6 Phụ lục 02
65.	Số làng, bản, buôn truyền thống tiêu biểu được bảo tồn phục vụ phát triển du lịch	Làng bản, buôn							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Biểu số 2.6 Phụ lục 02
66.	Số thiết chế văn hóa, thể thao thôn được hỗ trợ đầu tư xây dựng	Thiết chế							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Biểu số 2.6 Phụ lục 02
67.	Tỷ lệ trạm y tế xã vùng DTTS&MN đủ điều kiện khám chữa bệnh BHYT	%							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế	Biểu số 2.7 Phụ lục 02
68.	Số cơ sở thôn bản người DTTS được hỗ trợ phụ cấp	Người							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế	Biểu số 2.7 Phụ lục 02
69.	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng 6 - 23 tháng tuổi ở vùng DTTS&MN được bổ sung gói bột đa vi chất vào bữa ăn bột cháo	%							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế	Biểu số 2.7 Phụ lục 02
70.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cấp ở vùng DTTS&MN được hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng	%							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế	Biểu số 2.7 Phụ lục 02
71.	Tỷ lệ trẻ em ở vùng DTTS&MN được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	%							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Bộ Y tế	Biểu số 2.7 Phụ lục 02
72.	Tỷ lệ phụ nữ DTTS cải thiện tiếp cận tín dụng thông qua các tổ Tiết kiệm vay vốn thôn bản	%							Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Biểu số 2.8 Phụ lục 02

PHỤ LỤC SỐ 02-BIỂU 2.1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Kỳ báo cáo: từ tháng..... năm..... đến tháng..... năm.....

TT	Chi số (trên địa bàn các xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Địa bàn (xã, huyện, tỉnh)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch cả giai đoạn 2021- 2025	Ghi chú
1	Hỗ trợ đất ở								
1.1	Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được hỗ trợ đất ở	Hộ	DTTS/ Kinh						Chỉ số 37 Phụ lục 1
2	Hỗ trợ nhà ở								
2.1	Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh được hỗ trợ nhà ở	Hộ	DTTS/ Kinh						Chỉ số 38 Phụ lục 1
3	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề								
3.1	Tổng số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hộ	DTTS/ Kinh						
	Trong đó:								
	3.1.1. Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có đất sản xuất được hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất	Hộ	DTTS/ Kinh						Chỉ số 39 Phụ lục 1
	3.1.2. Số hộ DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh không có hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hộ	DTTS/ Kinh						Chỉ số 40 Phụ lục 1

TT	Chỉ số (tại địa bàn thực hiện Chương trình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Số liệu gốc (đến cuối 2020)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chi tiêu kế hạch năm báo cáo
73.	Tỷ lệ thanh niên DTTS được tiếp cận thông tin thông qua mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”	%	Nam/nữ			
74.	Số người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nông cốt ở cơ sở được hỗ trợ, tạo điều kiện	Lượt người	Nam/nữ			
75.	Số cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở (cấp xã) được hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin	Lượt người	Nam/nữ			

Ghi chú:

- Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, huyện) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới, đối chiếu với số liệu báo cáo của các đơn vị thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.

- Với các chỉ số yêu cầu phân tổ số liệu theo nam/nữ, DTTS/dân tộc Kinh, DTTS có khó khăn đặc thù/DTTS còn nhiều khó khăn, hộ nghèo/cán nghèo, hoặc phân tổ số liệu theo các cấp trung ương, tỉnh, huyện, xã thì cơ quan báo cáo bổ sung dòng số liệu tương ứng theo từng phân tổ.

Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chi tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Tần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo			Ghi chú
				Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	
		Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Biểu số 2.8 Phụ lục 02
		Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc	Biểu số 2.10.1 Phụ lục 02
		Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	Ủy ban Dân tộc, Bộ Thông tin và Truyền thông	Biểu số 2.10.2 Phụ lục 02

..... ngày tháng năm

CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 02-BIỂU 2.10.3

(Ban hành kèm theo Thông tư số. 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân Dân tộc)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình
 TIÊU DUYỆN 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình
 Kỳ báo cáo: từ tháng..... năm..... đến tháng..... năm.....

TT	Chỉ số (trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Địa bàn (xã, huyện, tỉnh)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
1	Xây dựng khung kết quả của Chương trình; xây dựng chỉ tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá								
1.1	Khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án được xây dựng	Khung kết quả							
1.2	Hệ thống biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin, nội dung, cơ chế báo cáo được xây dựng	Quy trình, biểu mẫu							
1.3	Cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện (áp dụng công nghệ 4.0, phần mềm ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động)	TK hệ thống CNTT							
2	Xây dựng, thi điểm, tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình								

TT	Chi số (trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Địa bàn (xã, huyện, tỉnh)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chi tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chi tiêu kế hoạch giải đoạn 2021-2025	Ghi chú
2.1	Phần mềm ứng dụng về giám sát, đánh giá được thiết kế và xây dựng, thí điểm, đưa vào vận hành chính thức	Phần mềm							
2.2	Số lượng lớp tập huấn cho đối tượng sử dụng phần mềm ở các cấp	Lớp							
2.3	Số lượng cán bộ thuộc cơ quan quản lý, đơn vị thực hiện Chương trình tham gia tập huấn sử dụng phần mềm	Người							
2.4	Tỷ lệ các cơ quan quản lý, đơn vị thực hiện ở các cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã) sử dụng phần mềm ứng dụng để thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ quản lý Chương trình	%	Trung ương/huyện/xã						
3	Năng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình								
3.1	Số lượng các sự kiện, hội nghị, lớp tập huấn về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình cho các địa phương	Sự kiện							
3.3	Số lượng đại biểu tham gia các sự kiện, hội nghị, lớp tập huấn về giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình cho các địa phương	Người							
4	Cơ quan Chủ Chương trình tổ chức chi đạo làm điểm triển khai thực hiện Chương trình tại các địa phương được lựa chọn, để kịp thời tham mưu ban hành, điều chỉnh và sửa đổi cơ chế, chính sách trong quá trình tổ chức thực hiện								
4.1	Số lượng xã được lựa chọn tổ chức chi đạo thực hiện điểm	Xã							
4.2	Số lượng huyện được lựa chọn tổ chức chi đạo thực hiện điểm	Huyện							
4.3	Số lượng tỉnh được lựa chọn tổ chức chi đạo thực hiện điểm	Tỉnh							
4.4	Số lượng hội nghị, hội thảo để chia sẻ kết quả chi đạo điểm, trên cơ sở đó kịp thời sửa đổi cơ chế, chính sách	Sự kiện							

TT	Chi số (trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Địa bàn (xã, huyện, tỉnh)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
5	Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình								
5.1	Số lượng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình được các địa phương, chủ dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, cơ quan chủ trì Chương trình giới thiệu và biểu dương, khen thưởng	Gương điển hình							
5.2	Số lượng hội nghị, hội thảo, sự kiện tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình được các địa phương, chủ dự án/tiểu dự án/nội dung thành phần, cơ quan chủ trì Chương trình tổ chức	Sự kiện							
6	Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng; Tổ chức giám sát phản biện chính sách xã hội của Chương trình								
6.1	Tỷ lệ xã vùng III (ĐBK) triển khai công tác giám sát đầu tư của cộng đồng có hiệu lực, hiệu quả	%							
6.2	Số lượng cơ quan tham gia giám sát phản biện chính sách xã hội của Chương trình	Cơ quan							
7	Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở cấp Trung ương và các cấp địa phương								
7.1	Tỷ lệ các Bộ, ngành cấp Trung ương (chủ dự án/tiểu dự án/nội dung thành phần của Chương trình) gửi báo cáo giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình đúng hạn	%							
7.2	Tỷ lệ các cơ quan cấp Tỉnh gửi báo cáo giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình đúng hạn	%							

TT	Chỉ số (trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Địa bàn (xã, huyện, tỉnh)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chu niên kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
7.3	Tỷ lệ các cơ quan cấp Huyện gửi báo cáo giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình đúng hạn	%							
7.4	Tỷ lệ UBND xã gửi báo cáo giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình đúng hạn	%							

Ghi chú:

- Nếu địa bàn thực hiện dự án/hoạt động trải trên nhiều xã, nhiều huyện thì điền tên xã, huyện cụ thể vào cột "Địa bàn", mỗi xã, huyện lập thành 1 dòng số liệu riêng, sau đó bỏ sung dòng **TỔNG SÒ** cho mỗi nội dung hỗ trợ.
- Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý tư báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các đơn vị thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.
- Với các chỉ số yêu cầu **phân tổ số liệu** theo nam/nữ, DTTS/dân tộc Kinh, hộ nghèo/cận nghèo, hoặc phân tổ số liệu theo các cấp trung ương, tỉnh, huyện, xã thì cơ quan báo cáo bỏ sung dòng số liệu tương ứng theo từng phân tổ. Với các chỉ số ghi đơn vị tính gộp là **số lượng**, tỷ lệ thì cơ quan báo cáo bỏ sung dòng số liệu số lượng và dòng số liệu tỷ lệ tương ứng.

....., ngày tháng năm
THU TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;
Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc)

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc)

TÊN CƠ QUAN BẢO CẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/BC

..... ngày tháng năm

BẢO CẢO KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
..... tháng năm/năm

[illegible]

Nội dung	Kết quả huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực 6 tháng đầu năm.../năm...										Kế hoạch huy động, phân bổ nguồn lực 6 tháng cuối năm.../năm...													
	Ngân sách đầu tư trực tiếp					Ngân sách đầu tư trực tiếp					Ngân sách đầu tư trực tiếp					Ngân sách đầu tư trực tiếp								
	Tổng số		NSTU		NSDP	Tổng số		NSTU		NSDP	Tổng số		NSTU		NSDP	Tổng số		NSTU		NSDP				
	DTPT	SN	DTPT	SN	DTPT	SN	DTPT	SN	DTPT	SN	DTPT	SN	DTPT	SN	DTPT	SN	DTPT	SN	DTPT	SN				
	Vốn lồng ghép		Tin dùng		DN, tổ chức, cá nhân		Vốn lồng ghép		Tin dùng		DN, tổ chức, cá nhân		Vốn lồng ghép		Tin dùng		DN, tổ chức, cá nhân		Vốn lồng ghép		Tin dùng		DN, tổ chức, cá nhân	
- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý																								
- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc DTTS&MN																								
- Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh																								
- Hỗ trợ thành lập, vận hành các dự án "Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN"																								
- Hỗ trợ thi thặng tài chức, triển khai vận hành các dự án "Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào DTTS&MN"																								
- Phát triển, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								
- Tổ chức, duy trì, nâng cao các lễ hội Festival thành niên, sinh viên, nguồn có an ninh biên giới và tăng cường khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS																								

[illegible]

[illegible]

Nội dung	Kết quả huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực 6 tháng năm..../năm....										Kế hoạch huy động, phân bổ nguồn lực 6 tháng cuối năm..../năm....										Ghi chú		
	Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				Tổng số	Tin dùng tổng hợp	DN, tổ chức, cá nhân	Đầu góp	Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				Tổng số	Tin dùng tổng hợp	DN, tổ chức, cá nhân	Đầu góp					
		DTPT	SN	NSDP	DTPT						SN	DTPT	SN										
a) Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CMTQG																							
- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín																							
- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS																							
- Nội dung số 03: Tăng cường trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS																							
b) Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN																							
- Nội dung số 01: Chuyển đổi số trong tổ chức, triển khai thực hiện CMTQG																							
- Nội dung số 02: Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị hội thảo, đào tạo tập huấn của BCTĐW và cơ quan giúp việc BCTĐW																							
- Nội dung số 03: Hỗ trợ cơ quan giúp việc cho BCTĐW tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn trực tuyến phục vụ cho việc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện CT																							
- Nội dung số 04: Hỗ trợ xây dựng các điển hình hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng CNTT tại trụ sở UBND cấp xã																							
- Nội dung số 05: Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng DTTS&MN																							
c) Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện CT																							
TỔNG SỐ																							

Nơi nhận:

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 03 – MẪU SỐ 3.1

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 01/2022/TT-UBND,
ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/BC

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kỳ báo cáo: từ tháng năm đến tháng năm

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

1. Ban hành cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện

- Tình hình xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi là Chương trình)

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc về ban hành và triển khai các cơ chế chính sách, hướng dẫn chung và các cơ chế chính sách, hướng dẫn đặc thù của địa phương trong thực hiện Chương trình.

2. Công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình

- Kịch bản, tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình

- Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình

- Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình

- Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực

- Lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Chương trình

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình

- Thông tin, truyền thông, vận động

- Nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân.

- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình.

3. Tình hình thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình

Ghi chú:

- Chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần, UBND các cấp báo cáo tình hình thực hiện đối với các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý và thuộc trách nhiệm báo cáo.

- Báo cáo tình hình thực hiện đối với mỗi dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình từ mục 3.1 đến mục 3.10 dưới đây được trình bày theo đề cương chung như sau:

+ *Bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực: ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp); ngân sách địa phương (vốn đối ứng: vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp); vốn lồng ghép, huy động khác (theo các nguồn: tín dụng; huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; đóng góp của người dân, cộng đồng; hợp tác quốc tế, dự án tài trợ nếu có) cho từng dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý.*

+ *Tiến độ, kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo (nêu các chỉ số kết quả chính, chi tiết nêu trong các Biểu số liệu đính kèm báo cáo).*

+ *Những thành tựu nổi bật, thay đổi tích cực trong kỳ báo cáo, so sánh với các kỳ báo cáo trước.*

+ *Những kinh nghiệm tốt, cách làm hay, mô hình thành công, gương điển hình.*

+ *Tình hình lồng ghép giới, thực hiện bình đẳng giới.*

+ *Những khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện; các hạn chế, yếu tố ảnh hưởng và rủi ro trong điều kiện thực tế tại địa phương. Nguyên nhân và hệ quả.*

+ *Ngoài các nội dung báo cáo tổng hợp và các Biểu số liệu cập nhật đối với từng dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động, có thể gửi kèm các tài liệu khác để giải trình, báo cáo làm rõ thêm.*

3.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở

b) Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở

c) Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề

d) Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt

(kèm theo Biểu số 2.1 trong Phụ lục số 02)

3.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

(kèm theo Biểu số 2.2 trong Phụ lục số 02)

3.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị
- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý
- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN
- + Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh
- + Hỗ trợ thành lập, vận hành các dự án “Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”
- + Hỗ trợ thí điểm tổ chức triển khai vận hành các dự án “Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”
- + Định kỳ tổ chức hằng năm các sự kiện Festival thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số
- + Hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN

c) Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- + Hỗ trợ các dự án, mô hình chăn nuôi, mô hình trồng trọt
- + Cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường

(kèm theo Biểu số 2.3.1, Biểu số 2.3.2.1, Biểu số 2.3.2.2 và Biểu số 2.3.2.3 trong Phụ lục số 02)

3.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng DTTS&MN
- Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

b) Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc

(kèm theo Biểu số 2.4.1.1, Biểu số 2.4.1.2 và Biểu số 2.4.2 trong Phụ lục số 02)

3.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDINT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- Đầu tư CSVC, trang thiết bị các trường PTDTBT và trường phổ thông có HSBT
- Đầu tư CSVC, trang thiết bị các trường PTDINT
- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS

- Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Nội dung số 01: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo

- Nội dung số 02: Hỗ trợ đào tạo nghề

- Nội dung số 03: Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng

- Nội dung số 04: Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS

- Nội dung số 05: Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở GDNN vùng DTTS&MN

- Nội dung số 06: Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; Kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án

d) Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

(kèm theo Biểu số 2.5.1, Biểu số 2.5.2, Biểu số 2.5.3 và Biểu số 2.5.4 trong Phụ lục số 02)

3.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Nội dung số 01: Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các DTTS có dân số ít người

b) Nội dung số 02: Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS

c) Nội dung số 03: Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch

d) Nội dung số 04: Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghề nhân nhân dân, nghề nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận

đ) Nội dung số 05: Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể

e) Nội dung số 06: Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một

g) Nội dung số 07: Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các DTTS

h) Nội dung số 08: Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN, vùng di dân tái định cư

i) Nội dung số 09: Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN

k) Nội dung số 10: Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN

l) Nội dung số 11: Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số

m) Nội dung số 12: Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS

n) Nội dung số 13: Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS

o) Nội dung số 15: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS

p) Nội dung số 16: Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS

q) Nội dung số 17: Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS

r) Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

s) Nội dung số 19: Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch

(kèm theo Biểu số 2.6 trong Phụ lục số 02)

3.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Nội dung số 01: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN

b) Nội dung số 02: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS & MN

c) Nội dung số 03: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ-trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số

(kèm theo Biểu số 2.7 trong Phụ lục số 02)

3.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ 2em

a) Nội dung số 01: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em

b) Nội dung số 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em

c) Nội dung số 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

d) Nội dung số 04: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

(kèm theo Biểu số 2.8 trong Phụ lục số 02)

3.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

- Nội dung số 01: Xây dựng cơ sở hạ tầng các thôn, bản theo tiêu chí nông thôn mới

- Nội dung số 02: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế

- Nội dung số 03: Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào

- Nội dung số 04: Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù

b) Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

(kèm theo Biểu số 2.9.1 và Biểu số 2.9.2 trong Phụ lục số 02)

3.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG

- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS

- Nội dung số 03: Tăng cường trợ giúp pháp lý

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

- Nội dung số 01: Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện CTMTQG

- Nội dung số 02: Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị hội thảo, đào tạo tập huấn của Ban Chỉ đạo Trung ương và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương

- Nội dung số 03: Hỗ trợ cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo Trung ương tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn trực tuyến phục vụ cho việc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

- Nội dung số 04: Hỗ trợ xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh trật tự.

- Nội dung số 05: Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng DTTS&MN

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

(kèm theo Biểu số 2.10.1, Biểu số 2.10.2 và Biểu số 2.10.3 trong Phụ lục số 02)

4. Tiến độ thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu cụ thể, các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình thuộc phạm vi quản lý (so với các chỉ tiêu kế hoạch nêu trong văn kiện Chương trình ở cấp quốc gia, các nghị quyết, đề án, kế hoạch của các cấp địa phương).

- Những chỉ tiêu chủ yếu đã đạt kế hoạch đề ra trong kỳ báo cáo.

- Những chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt kế hoạch đề ra trong kỳ báo cáo.

- Phân tích các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng, các bài học, kinh nghiệm tốt, cách làm hay, các khó khăn, hạn chế của địa phương.

(kèm theo số liệu tại Phụ lục số 01, bao gồm các chỉ số kết quả chủ yếu thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo)

5. Huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

- Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực trong kỳ báo cáo:

+ Nguồn ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp)

+ Nguồn ngân sách địa phương (vốn đối ứng: vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp)

+ Vốn lồng ghép

+ Nguồn tín dụng trực tiếp cho các dự án, hoạt động của Chương trình

+ Nguồn huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

+ Đóng góp của người dân, cộng đồng

- Tình hình giải ngân, kết quả thực hiện các nguồn vốn so với kế hoạch

- Kết quả thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù

- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có)

- Đánh giá chung về công tác huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân.

(kèm theo tổng hợp số liệu theo Biểu số 3.2 trong Phụ lục số 03 về huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực)

6. Đánh giá chung

6.1. Kết quả nổi bật đã đạt được

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu dự kiến/phần đầu đạt được

2. Các giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện

- Giải pháp, nhiệm vụ về chỉ đạo điều hành, ban hành và triển khai cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện
- Giải pháp, nhiệm vụ về cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình
- Giải pháp, nhiệm vụ về đẩy mạnh, đảm bảo hiệu quả cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương và người dân thực hiện Chương trình
- Giải pháp, nhiệm vụ về bố trí, huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực
- Giải pháp, nhiệm vụ về lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Chương trình
- Giải pháp, nhiệm vụ về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, triển khai hoạt động, giải ngân, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình
- Giải pháp, nhiệm vụ về thông tin, truyền thông, vận động
- Giải pháp, nhiệm vụ về nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân.
- Giải pháp, nhiệm vụ về lồng ghép giới, thúc đẩy bình đẳng giới
- Giải pháp, nhiệm vụ về theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình
- Các giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm khác.

3. Dự kiến huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

3.1. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan, các cấp địa phương

3.2. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan Trung ương

IV. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Tổng hợp số liệu theo kỳ báo cáo trong Phụ lục số 01 về các chỉ số kết quả chủ yếu; các Biểu từ số 2.1 đến số 2.10 của các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo trong Phụ lục số 02; và Biểu số 3.2 trong Phụ lục số 03 về bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận: ...

PHỤ LỤC SỐ 04**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN**

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 01 /2022/TT-UBND,
ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc)*

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../BC

....., ngày.....tháng.....năm....

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kỳ báo cáo: Giữa kỳ/Kết thúc giai đoạn 5 năm 2021-2025

I. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

1. Đánh giá công tác quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình:

- Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành, điều phối, phối hợp, tổ chức thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành
- Đánh giá việc xây dựng, ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình ở các cấp (mức độ đầy đủ, kịp thời, phù hợp điều kiện địa phương...)
- Đánh giá cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình về: hệ thống tổ chức, nhân lực, bộ máy, trang thiết bị, chế độ chính sách, nâng cao năng lực, truyền thông, thông tin, giám sát và đánh giá, lồng ghép giới/thúc đẩy bình đẳng giới...

2. Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình:

- Đánh giá về kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực thực hiện Chương trình: nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương (vốn đối ứng), vốn lồng ghép, vốn tín dụng, vốn huy động doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân, vốn đóng góp của người dân và cộng đồng.

(kèm theo Biểu số 3.2 tại Phụ lục số 03, cập nhật số liệu đến kỳ báo cáo)

- Đánh giá về cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn, lồng ghép vốn thực hiện Chương trình.

- Đánh giá về cơ chế quản lý tài chính, thanh quyết toán các dự án, tiểu dự án, hoạt động thuộc Chương trình.

3. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình:

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình so với các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo của cơ quan báo cáo.

(kèm theo số liệu đến kỳ báo cáo tại Phụ lục số 01 về các chỉ số kết quả chủ yếu thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo)

- Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cụ thể, các kết quả, đầu ra chủ yếu của các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý của cơ quan báo cáo.

(cập nhật số liệu đến kỳ báo cáo theo các Biểu tại Phụ lục số 02, từ Biểu số 2.1 đến Biểu số 2.10.3).

- Đánh giá các điển hình tiên tiến, mô hình hiệu quả, cách làm hay trong thực hiện Chương trình.

4. Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của Chương trình:

- Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của Chương trình
- Đánh giá tác động về môi trường, sinh thái của Chương trình
- Đánh giá hiệu quả đầu tư, tính bền vững của Chương trình
- Đánh giá tác động đến các nhóm đối tượng thụ hưởng: người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em, các nhóm khó khăn đặc thù, dễ tổn thương, nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù...

- Đánh giá về công tác lồng ghép giới, thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình.

- Đánh giá về sự tham gia của người dân, các đối tượng hưởng lợi.

- Đánh giá sự hài lòng của người dân, các đối tượng hưởng lợi đối với Chương trình.

5. Đánh giá chung

5.1. Kết quả nổi bật đã đạt được

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

5.3. Bài học kinh nghiệm

- Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, và quản lý Chương trình

- Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

II. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị điều chỉnh mục tiêu và thiết kế

- Đề xuất về điều chỉnh, hoàn thiện nội dung các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, về: mục tiêu, phạm vi, đối tượng thụ hưởng, các hoạt động, các đầu ra, cơ chế thực hiện, định mức, ngân sách, phân công quản lý và thực hiện...

2. Đề xuất về cơ chế huy động, bố trí và sử dụng vốn

- Đề xuất về cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn, lồng ghép vốn đảm bảo đầy đủ và kịp thời cho thực hiện Chương trình

- Đề xuất về cơ chế quản lý tài chính, thanh quyết toán phù hợp để thúc đẩy tiến độ và đảm bảo kết quả, hiệu quả thực hiện Chương trình

3. Đề xuất về chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình

- Đề xuất hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị ở các cấp trong triển khai thực hiện Chương trình

- Đề xuất hoàn thiện cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình về: hệ thống tổ chức, nhân lực, bộ máy, trang thiết bị, chế độ chính sách, nâng cao năng lực, truyền thông, thông tin, giám sát và đánh giá, lồng ghép giới/thúc đẩy bình đẳng giới...

- Đề xuất khen thưởng các địa phương, các cơ quan, đơn vị, cá nhân đạt kết quả xuất sắc trong tổ chức thực hiện Chương trình; các mô hình hiệu quả, cách làm hay cần nhân rộng.

- Đề xuất khác nhằm duy trì, củng cố, phát huy các kết quả đã đạt được của Chương trình, các biện pháp nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường, sinh thái... (nếu có).

III. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục số 01: các Biểu từ 2.1 đến 2.10 tại Phụ lục số 02; và Biểu số 3.2 tại Phụ lục số 03 (cập nhật số liệu đến kỳ báo cáo).

Nơi nhận:

*
*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)